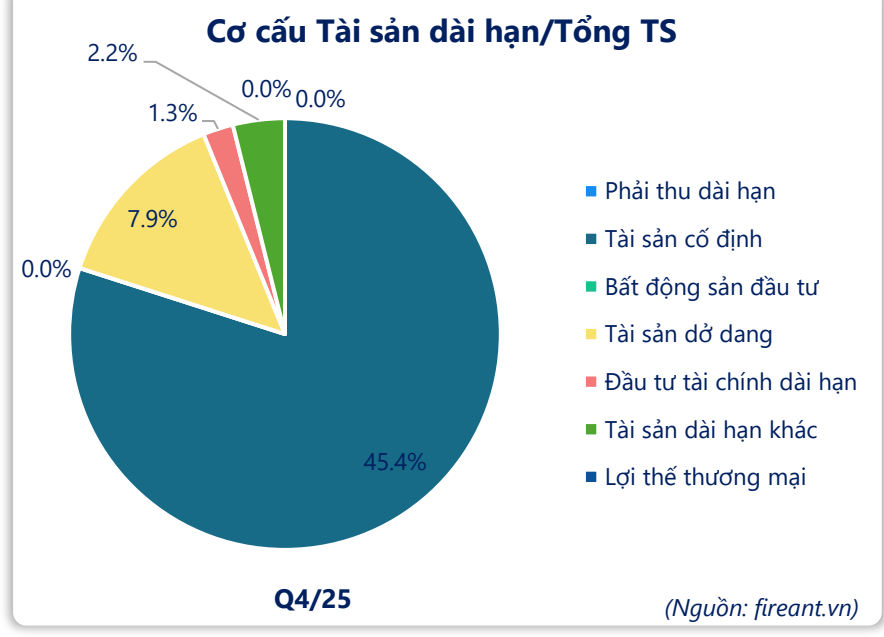
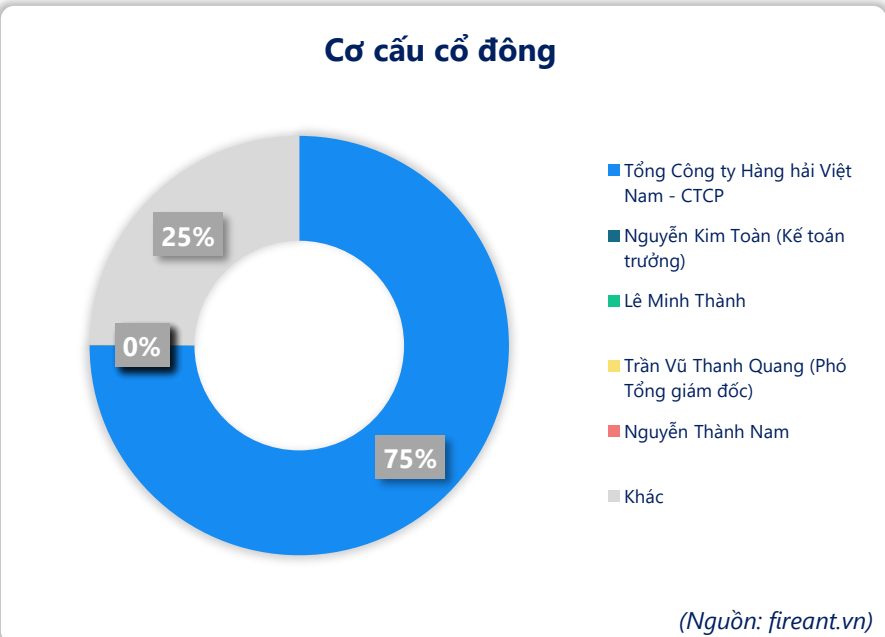
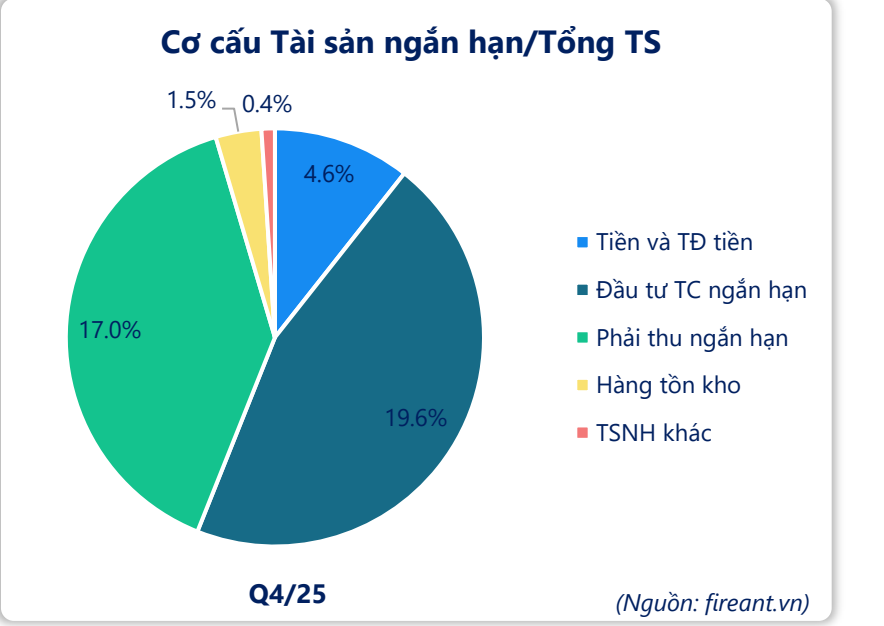
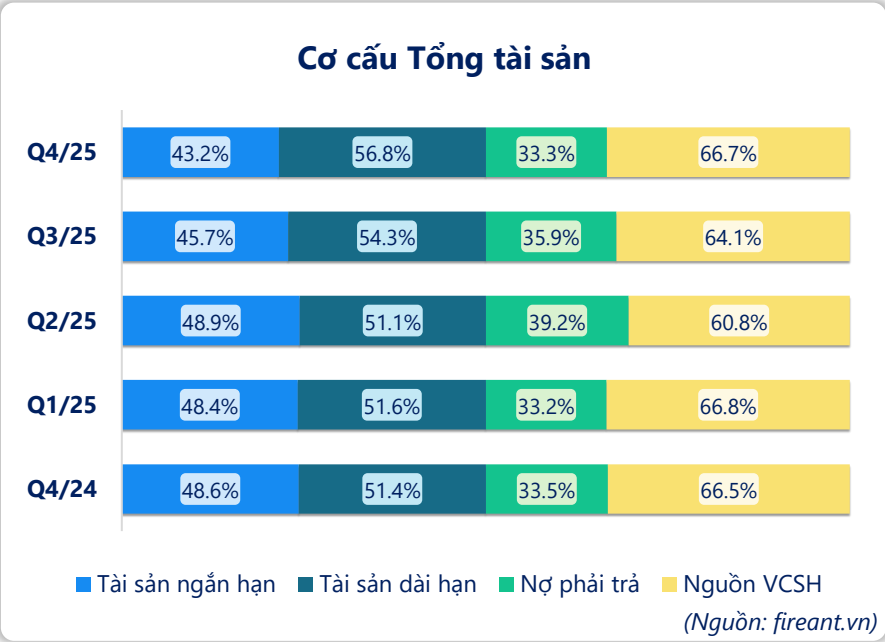
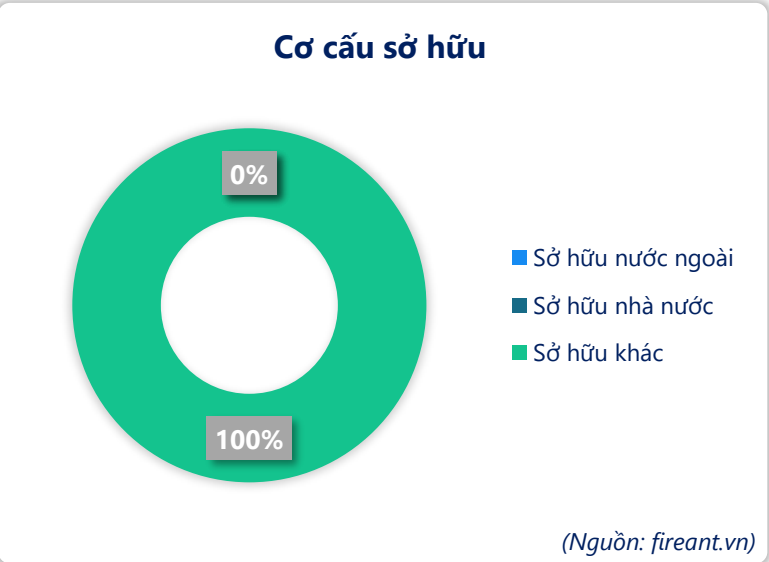
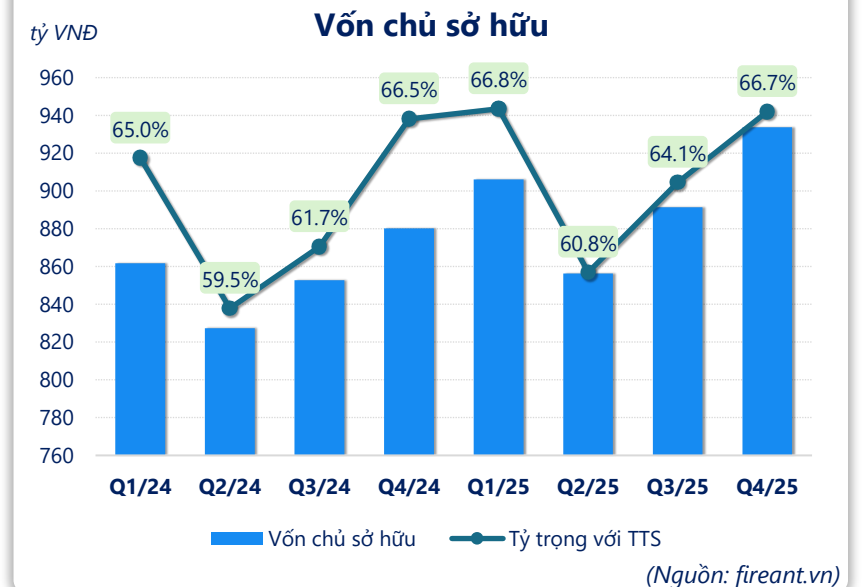
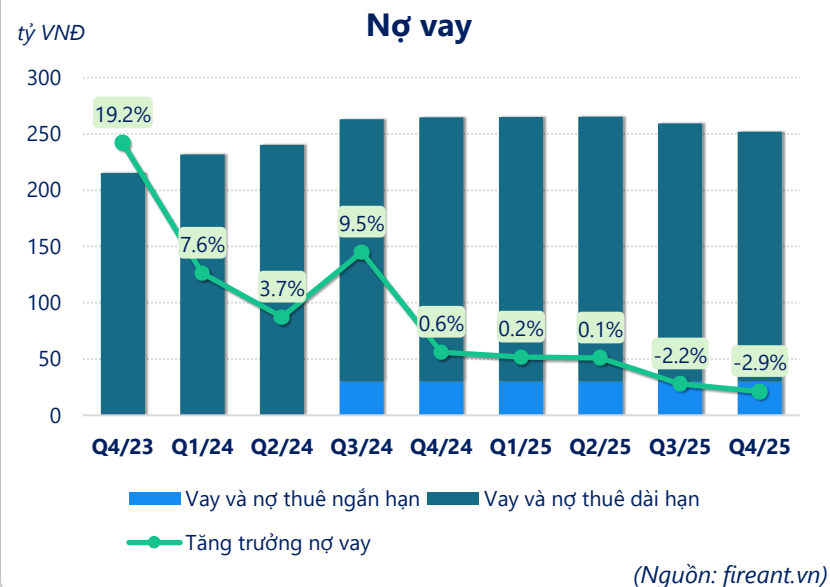
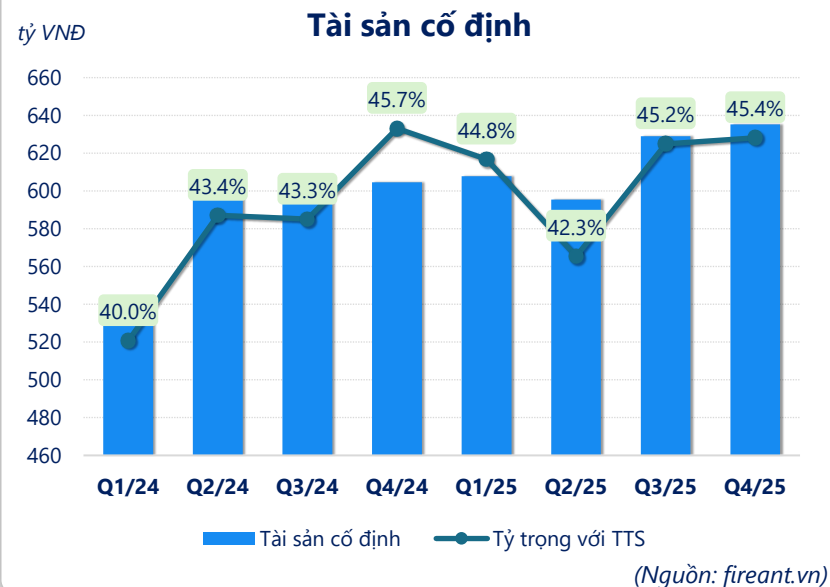
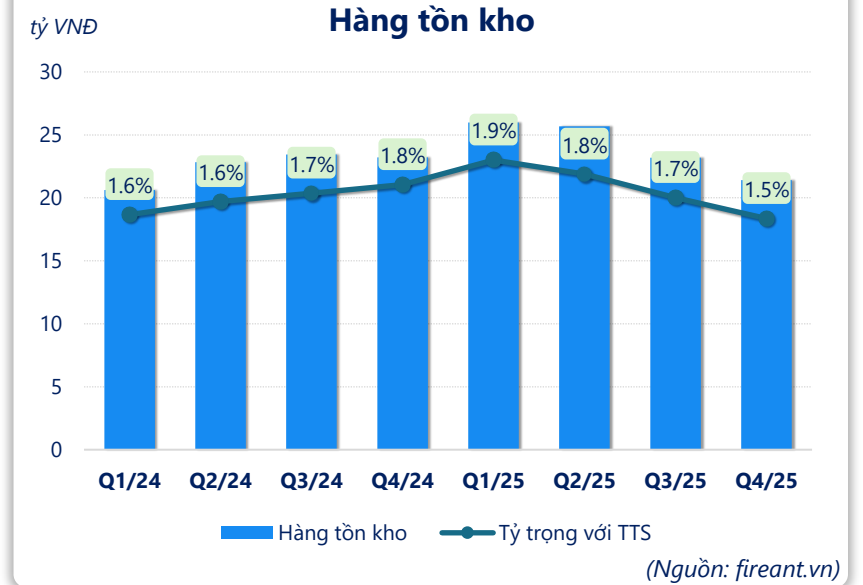
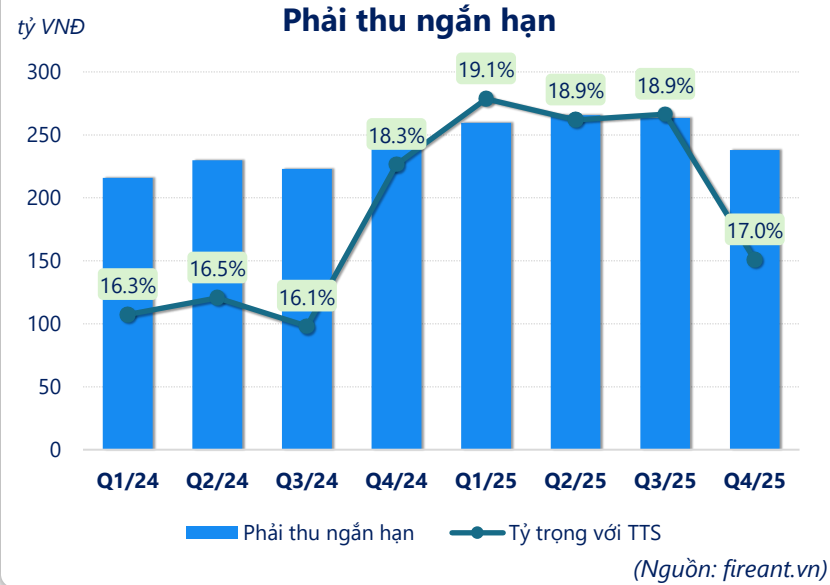
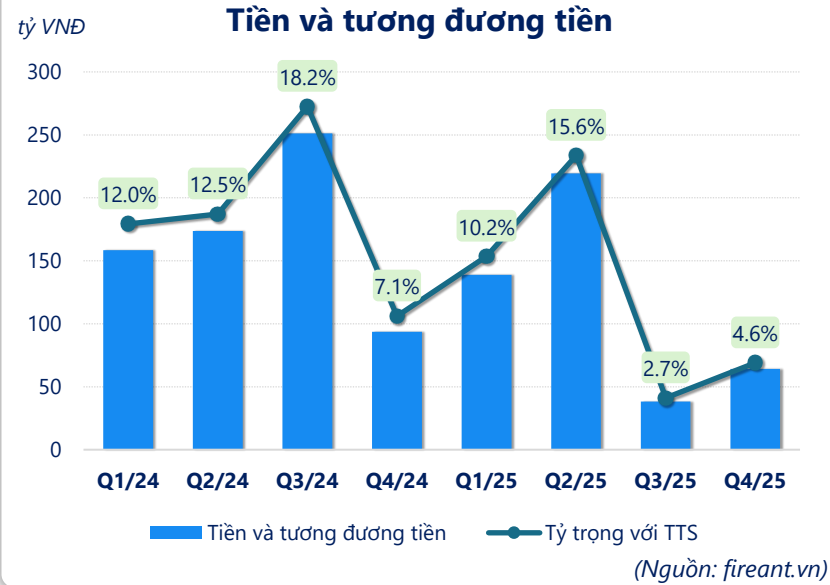
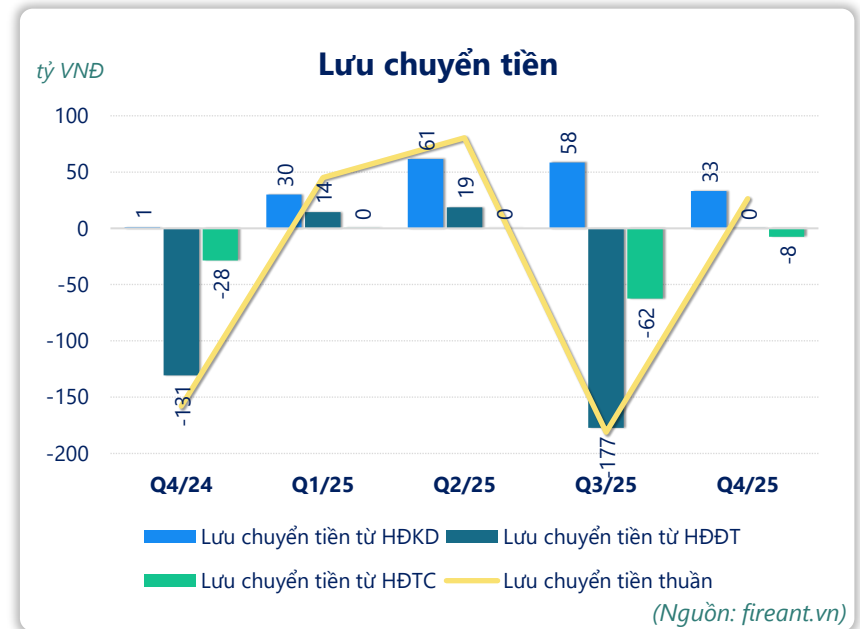
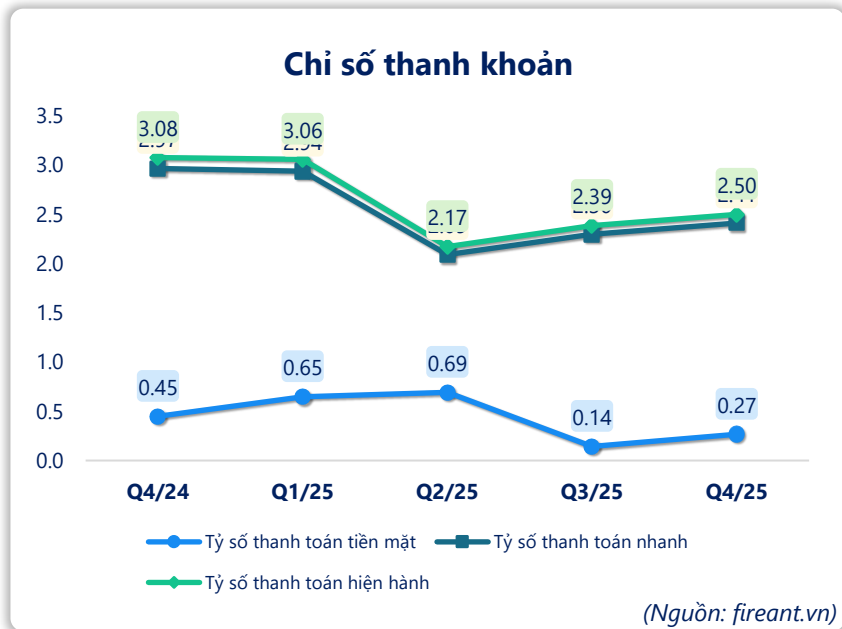
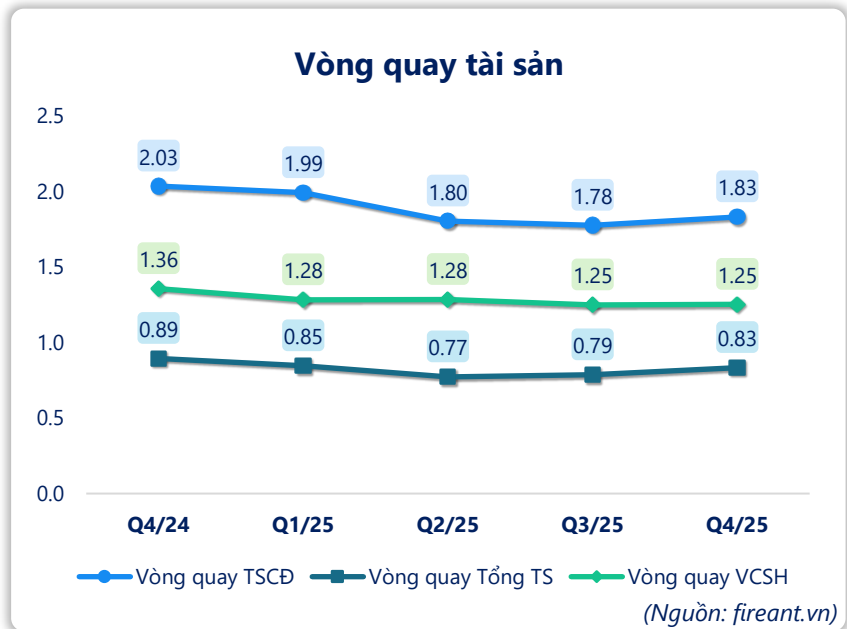
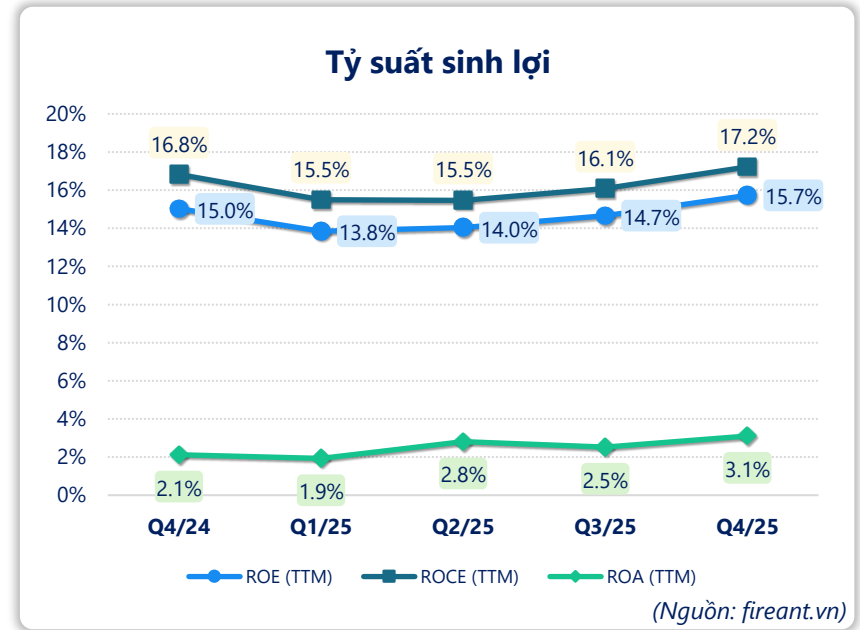
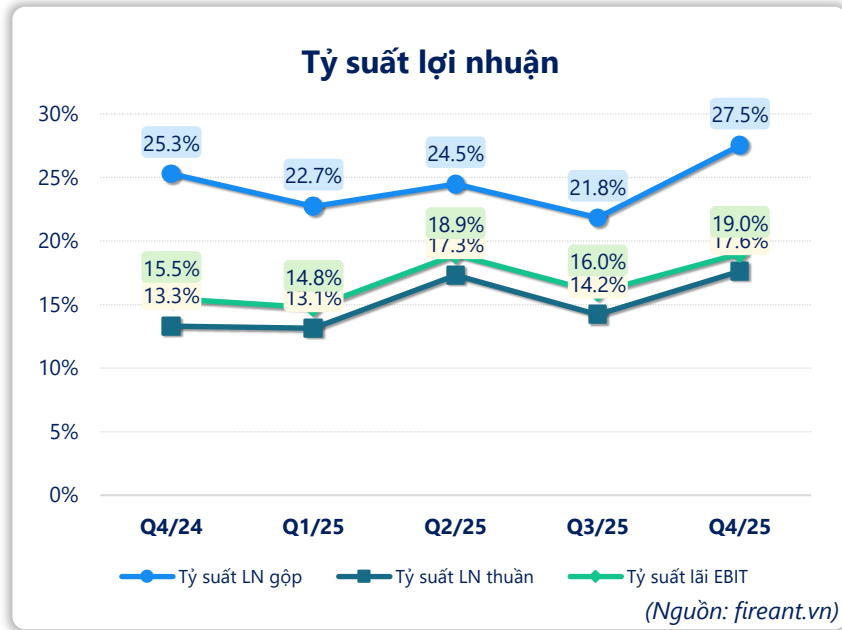
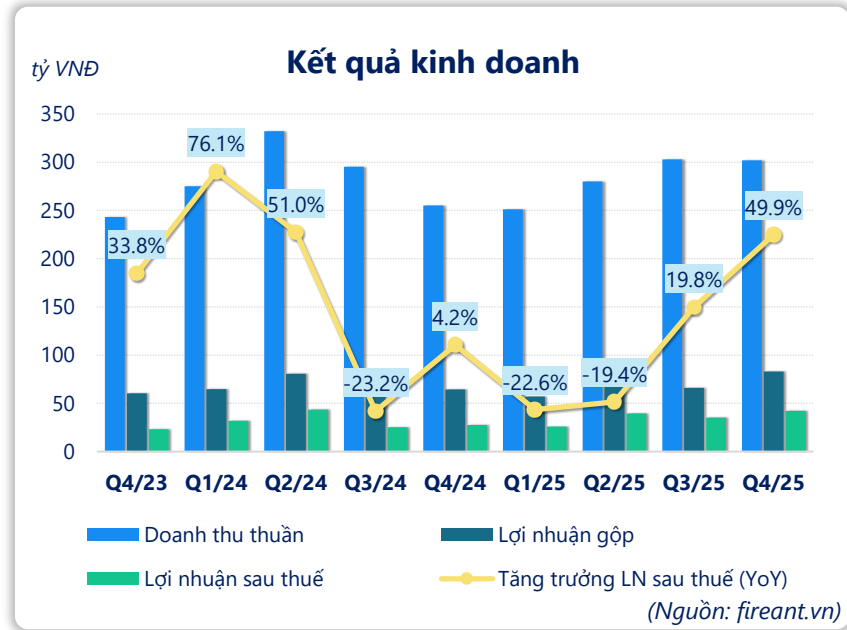


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		29,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		36,295
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		28,400
SL cổ phiếu LH		40,409,950
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,730
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,180
P/E		8.3
EPS		3,530

	YTD	1T	3T	6T
QNP	-15.1%	-5.2%	-6.4%	-9.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,399	1,324	5.7%
Tài sản ngắn hạn	604	644	-6.1%
Tiền và tương đương tiền	64.3	93.7	-31.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	275	268	2.5%
Phải thu ngắn hạn	238	242	-1.6%
Hàng tồn kho	21.4	23.2	-7.9%
Tài sản ngắn hạn khác	6.25	17.2	-63.7%
Tài sản dài hạn	795	680	16.8%
Phải thu dài hạn	0.00	7.35	-100.0%
Tài sản cố định	635	605	5.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	110	40.2	175%
Đầu tư tài chính dài hạn	18.0	18.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	30.9	10.1	206%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	465	444	4.8%
Nợ ngắn hạn	242	209	15.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	30.0	30.0	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	93.5	93.0	0.6%
Nợ dài hạn	224	235	-4.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	222	235	-5.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	934	880	6.1%
Vốn chủ sở hữu	934	880	6.1%
Vốn điều lệ	404	404	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	255	251	280	303	302
Giá vốn hàng bán	191	194	211	237	219
Lợi nhuận gộp	64.5	57.0	68.5	66.1	83.0
Doanh thu HĐTC	5.45	3.42	7.68	4.03	3.80
Chi phí TC	4.64	4.43	4.34	4.29	4.45
Chi phí lãi vay	4.64	4.41	4.32	4.24	4.13
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.75	3.12	3.90	4.84	4.69
Chi phí QLDN	26.6	19.9	19.5	18.0	24.5
LN thuần từ HĐKD	33.9	33.0	48.5	43.0	53.2
Lợi nhuận khác	0.87	-0.36	0.13	1.09	0.03
LN trước thuế	34.8	32.6	48.6	44.1	53.2
Lợi nhuận sau thuế	27.5	25.9	39.4	35.1	42.3
LNST của CĐ cty mẹ	27.5	25.9	39.4	35.1	42.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.12	30.1	61.5	58.5	33.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-131	14.5	18.7	-177	0.44
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-28.4	0.44	0.22	-62.4	-7.51
Tiền đầu kỳ	251	93.7	139	219	38.1
Lưu chuyển tiền thuần	-158	45.0	80.4	-181	26.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0.69	0.07	0.21	-0.25	-0.07
Tiền cuối kỳ	93.7	139	219	38.1	64.3

(Nguồn: fireant.vn)